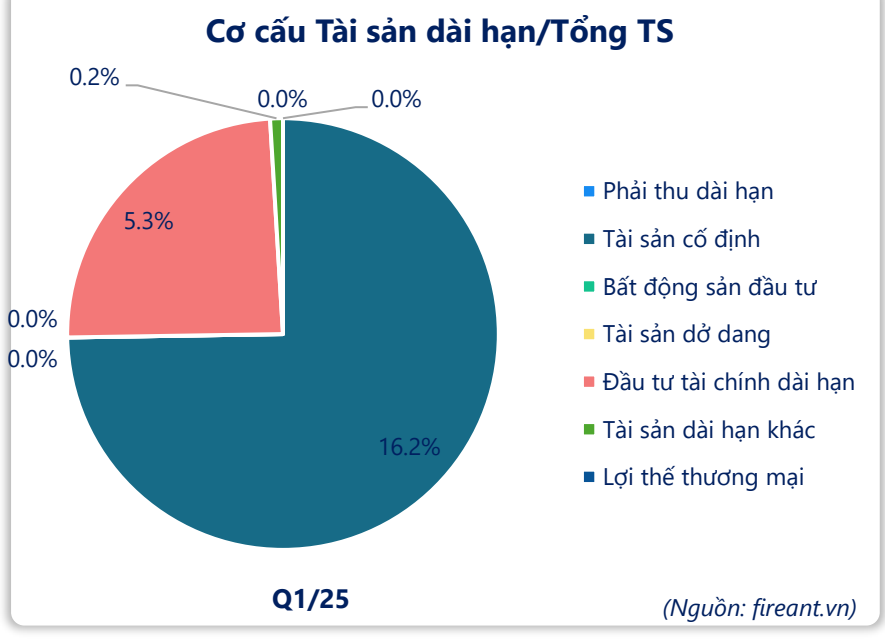
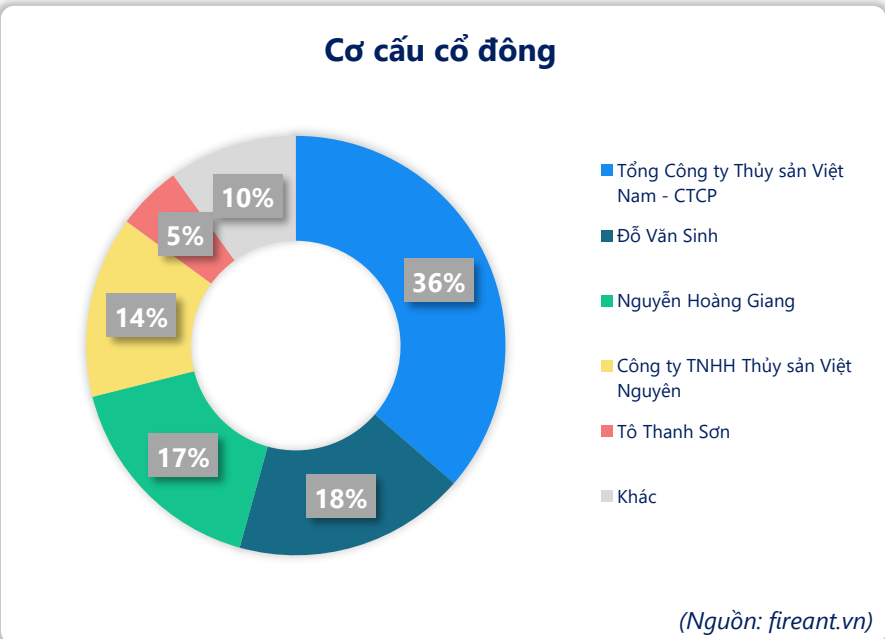
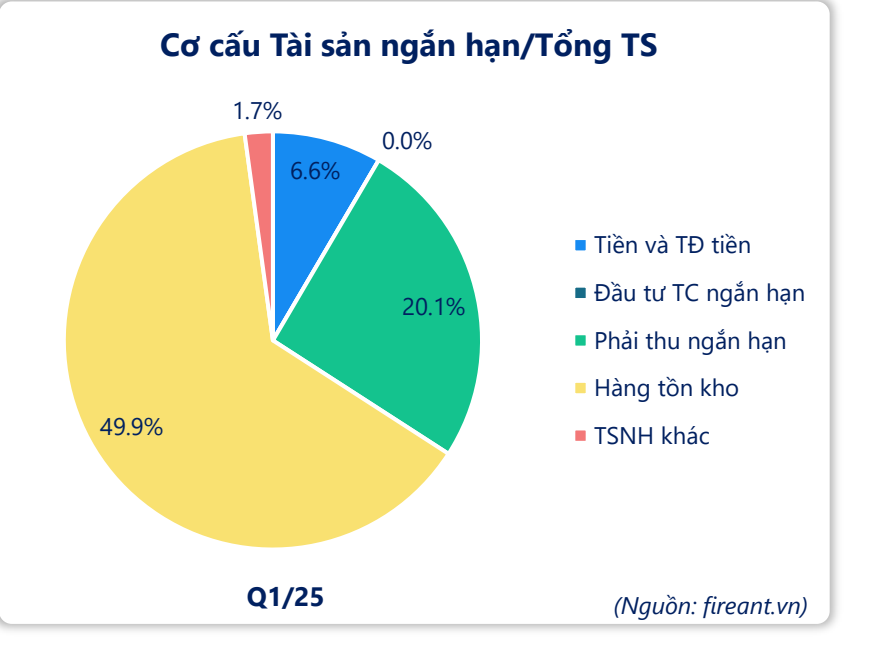
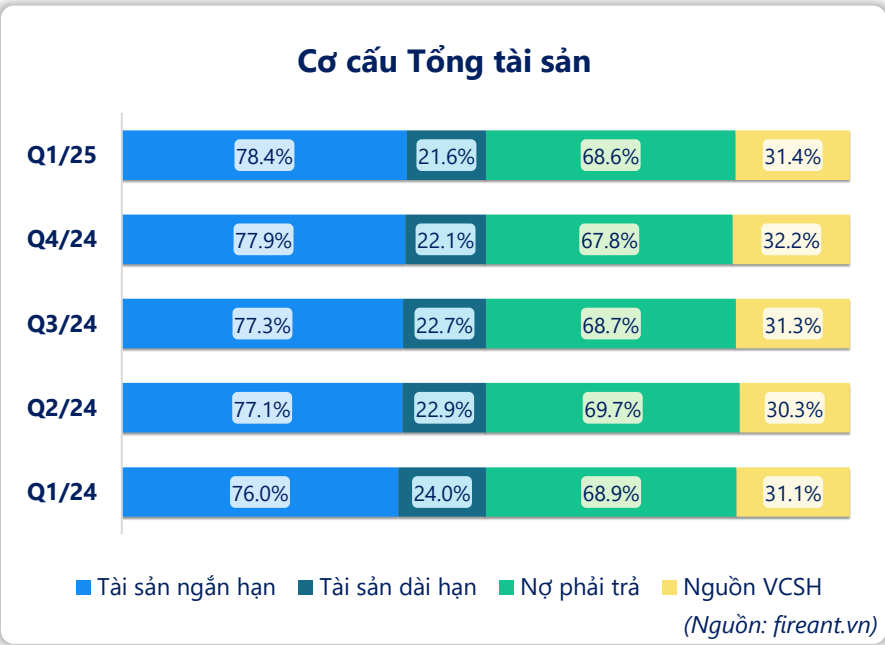
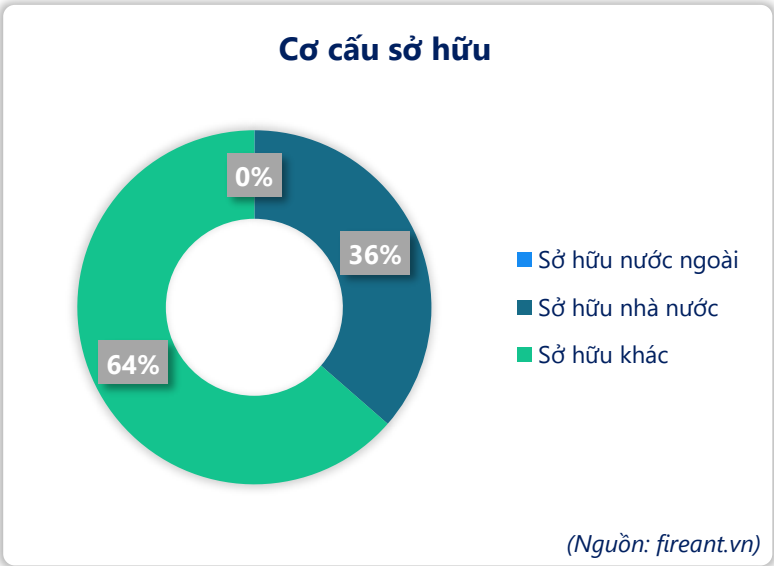
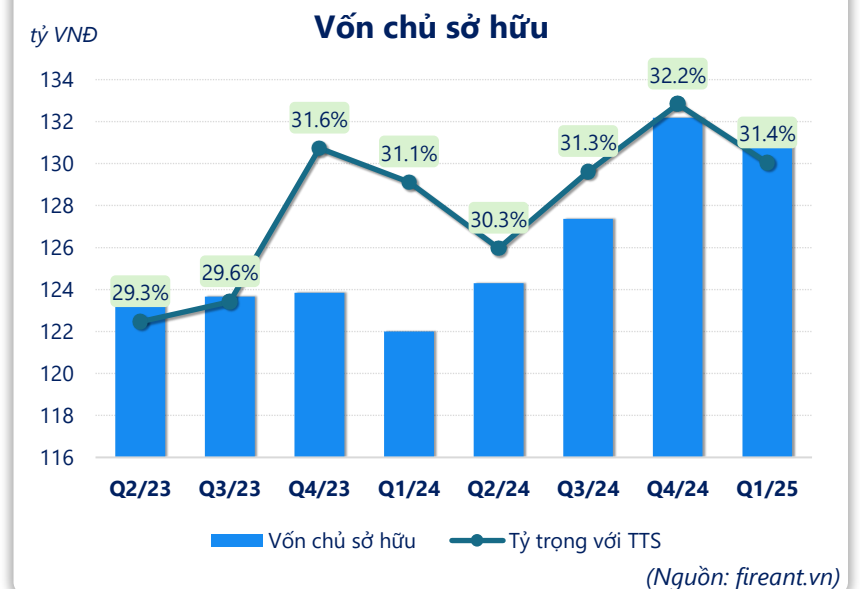
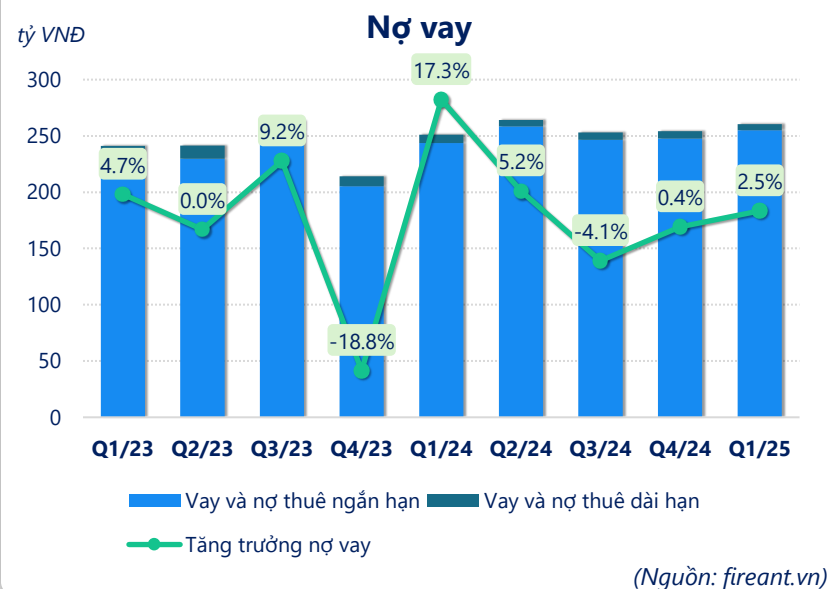
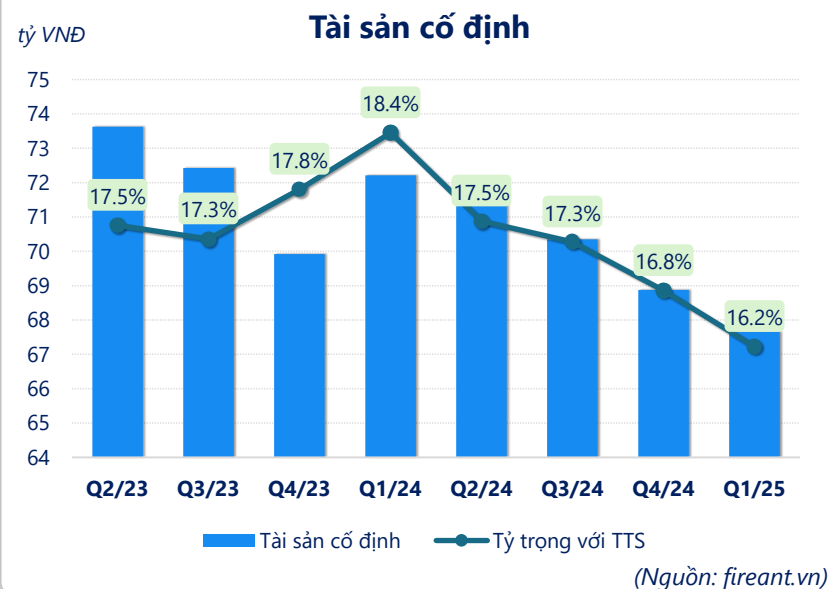
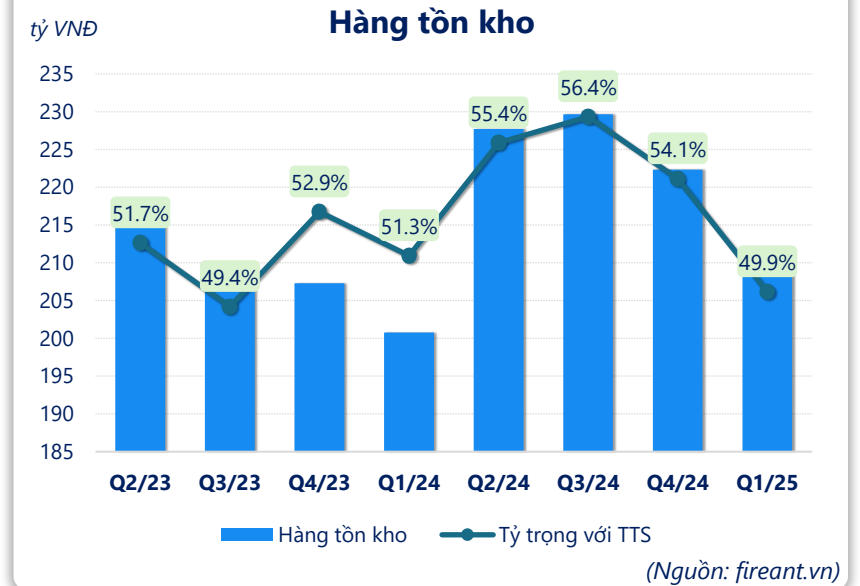
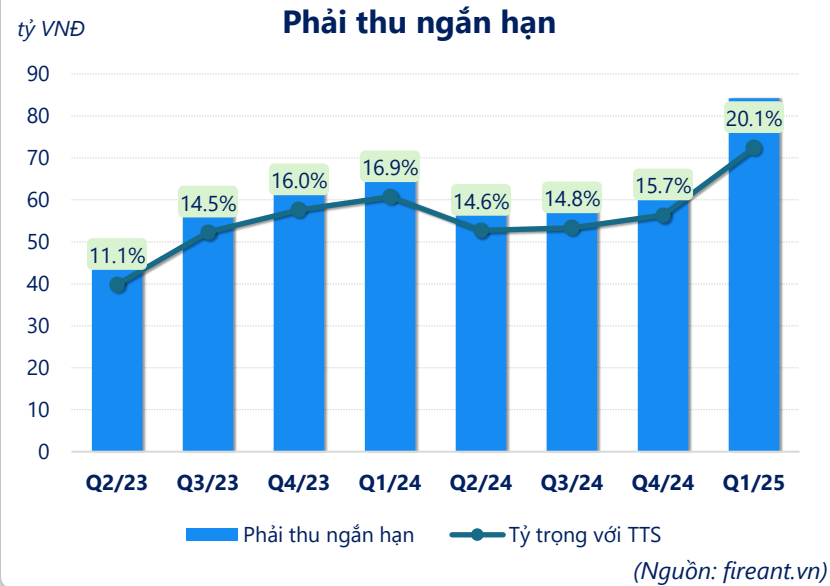
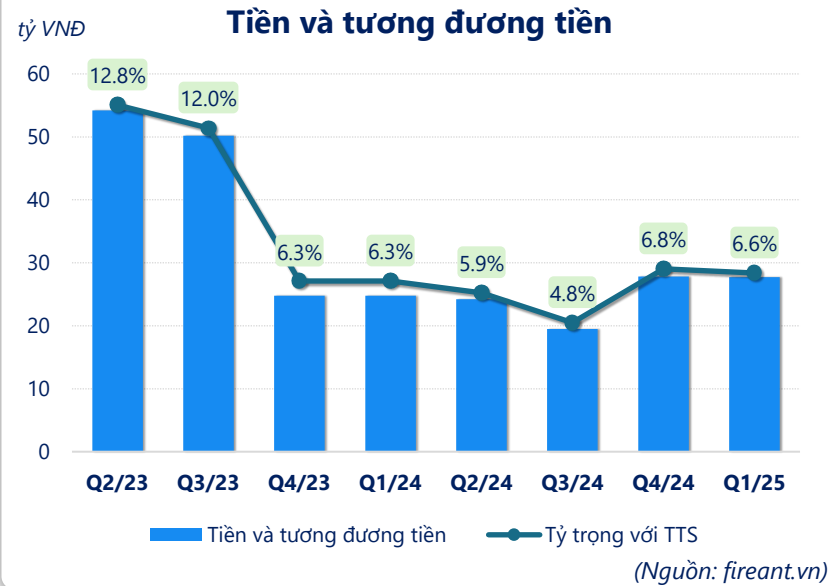


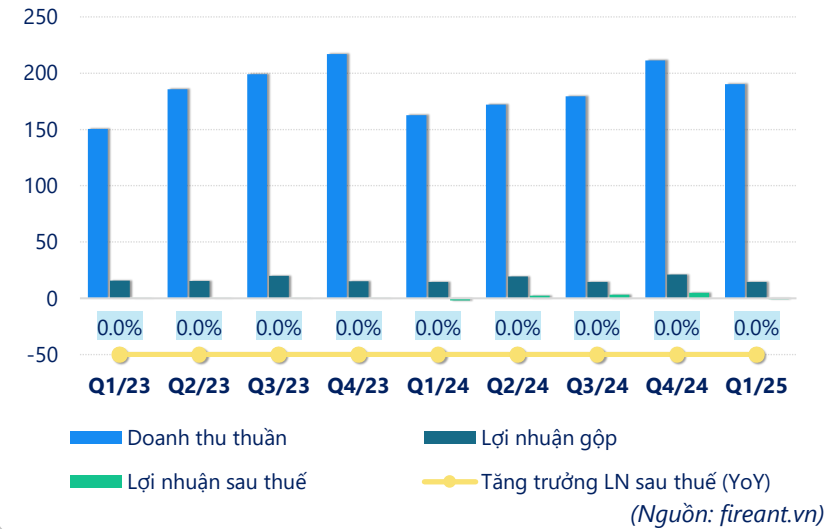
Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		80
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		96
P/E		10.3
EPS		778

	YTD	1T	3T	6T
SPD	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

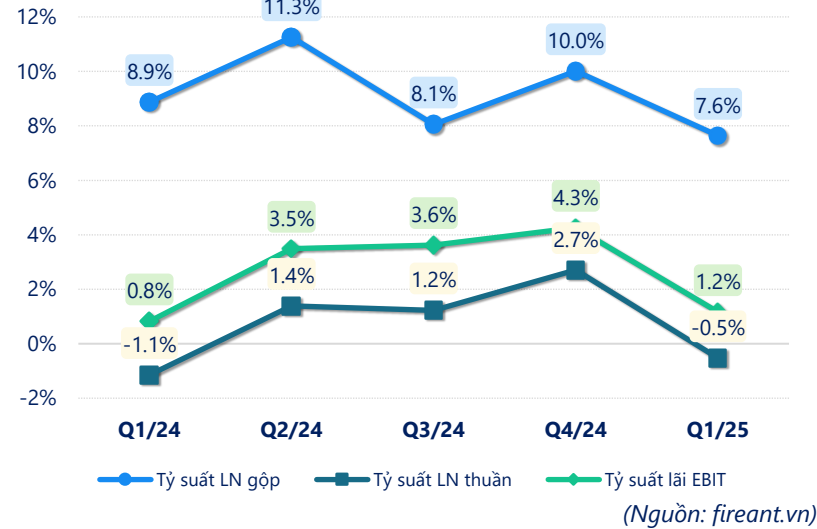




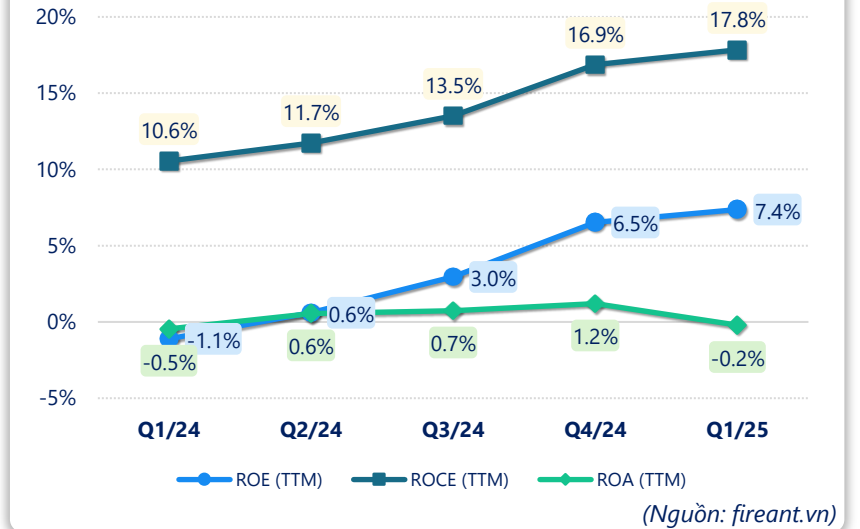
Kết quả kinh doanh



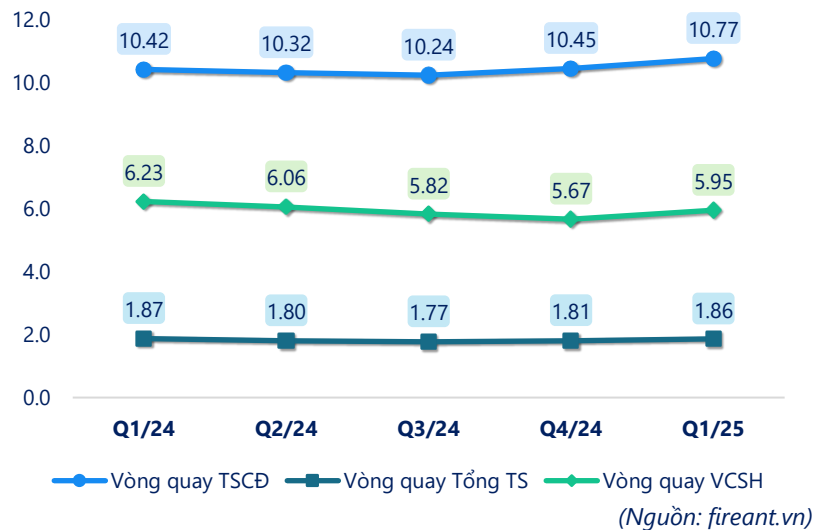
Tỷ suất lợi nhuận



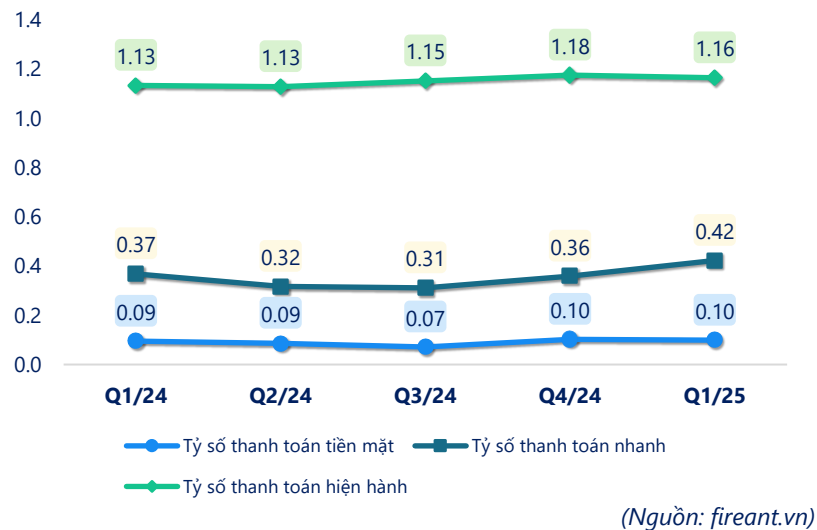
Tỷ suất sinh lợi



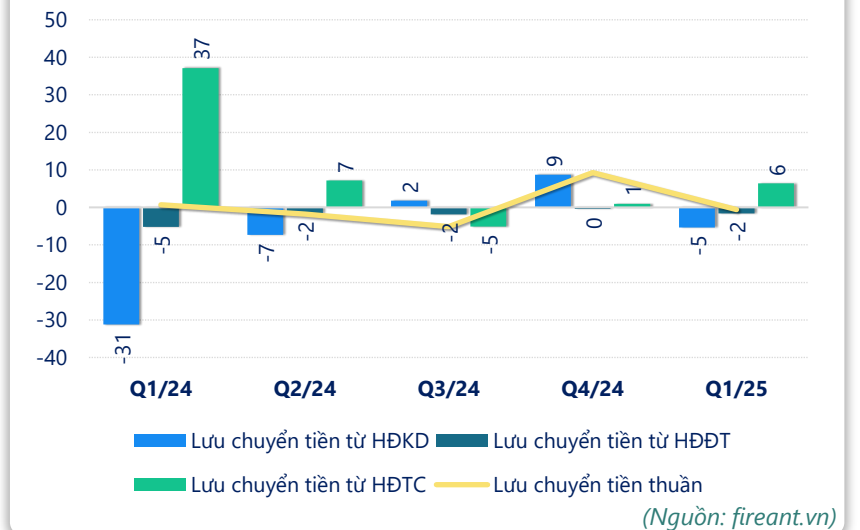
Vòng quay tài sản



Chỉ số thanh khoản



Lưu chuyển tiền



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	418	411	1.8%
Tài sản ngắn hạn	328	319	2.8%
Tiền và tương đương tiền	27.7	27.8	-0.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	84.2	64.4	30.8%
Hàng tồn kho	209	222	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	7.10	4.44	60.1%
Tài sản dài hạn	90.5	91.9	-1.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	67.7	68.9	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.87	1.03	-16.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	287	279	3.0%
Nợ ngắn hạn	282	272	3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	255	248	3.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.8	4.63	285%
Nợ dài hạn	5.39	6.40	-15.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.39	6.40	-15.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	131	132	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	131	132	-0.6%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	163	172	179	211	190
Giá vốn hàng bán	148	153	165	190	176
Lợi nhuận gộp	14.4	19.4	14.5	21.1	14.5
Doanh thu HĐTC	0.03	1.21	4.71	1.30	2.54
Chi phí TC	3.93	4.96	3.45	4.67	5.19
Chi phí lãi vay	3.18	3.70	3.45	3.37	3.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.50	3.99	3.71	4.05	3.66
Chi phí QLDN	8.90	9.24	9.81	8.00	9.24
LN thuần từ HĐKD	-1.86	2.40	2.20	5.72	-1.01
Lợi nhuận khác	0.02	-0.09	0.86	-0.09	0.15
LN trước thuế	-1.84	2.31	3.06	5.63	-0.86
Lợi nhuận sau thuế	-1.84	2.31	3.06	4.82	-0.86
LNST của CĐ cty mẹ	-1.84	2.31	3.06	4.82	-0.86

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.2	-7.36	1.82	8.73	-5.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.19	-1.62	-1.86	-0.38	-1.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	37.1	7.20	-5.10	0.91	6.39
Tiền đầu kỳ	24.8	24.8	24.2	19.5	27.8
Lưu chuyển tiền thuần	0.67	-1.78	-5.13	9.26	-0.58
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.67	1.20	0.40	-0.90	0.46
Tiền cuối kỳ	24.8	24.2	19.5	27.8	27.7

(Nguồn: fireant.vn)